

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH  
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**CẤP NƯỚC NGHỆ AN**



## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Mục lục</b>	<b>1</b>
<b>2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2 - 3</b>
<b>3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>	<b>4 - 5</b>
<b>4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024</b>	<b>6 - 9</b>
<b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>	<b>10</b>
<b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>	<b>11 - 12</b>
<b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>	<b>13 - 31</b>

\*\*\*\*\*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

### Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An theo Quyết định số 5333/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2015 của UBND tỉnh Nghệ An.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900324240, đăng ký lần đầu ngày 9 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An 06 lần cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi vốn điều lệ, trong đó lần thứ 06 vào ngày 7 tháng 9 năm 2018 do thay đổi vốn điều lệ.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 32, đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
- Điện thoại : 02383.739.739

### Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng Công ty	Số 32, đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp Xây lắp chống thất thoát	Số 32, đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp Dịch vụ cấp nước Thành phố Vinh	Số 32, đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp Sản xuất nước Thành phố Vinh	Số 115, đường Nguyễn Sinh Sắc thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Nam Đàn	Khối Tây Hồ, thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Đô Lương	Xóm 7, xã Đông Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Anh Sơn	Khối 5, thị trấn Anh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Con Cuông	Khối 4, thị trấn Con Cuông, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Tân Kỳ	Xóm 1 Thanh Tân, xã Kỳ Tân, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Thanh Chương	Khối 6, thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Quỳnh Châu	Khối 2A, thị trấn Tân Lạc, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Quỳnh Hợp	Khối 13, thị trấn Quỳnh Hợp, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Tương Dương	Thị trấn Hòa Bình, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Kỳ Sơn	Thị trấn Mường Xén, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An

**Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:** Khai thác, xử lý và cung cấp nước (Khai thác nước thô; sản xuất, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác; sản xuất kinh doanh nước đóng chai).

### Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Bá Quý	Chủ tịch	Ngày 29 tháng 4 năm 2022
Ông Lê Đình Hoan	Thành viên	Ngày 29 tháng 4 năm 2022
Ông Trịnh Văn Thắng	Thành viên	Ngày 16 tháng 7 năm 2022

#### Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm/bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Võ Thị Thìn	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 7 năm 2022
Bà Lê Thị Kim Oanh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Thanh Châu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Ngân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2024



# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Hoàng Văn Hải	Tổng Giám đốc	Ngày 9 tháng 5 năm 2021
Ông Nguyễn Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 02 tháng 01 năm 2017
Bà Trần Thị Lan Anh	Kế toán trưởng	Ngày 23 tháng 4 năm 2019

## Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Hoàng Văn Hải - Tổng Giám đốc.

## Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

## Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

## Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,  
**Tổng Giám đốc**



**Hoàng Văn Hải**

Ngày 15 tháng 8 năm 2024



Số: 2.0508/24/TC-AC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 15 tháng 8 năm 2024, từ trang 6 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

#### Hạn chế phạm vi soát xét

Khoản mục “Phải thu khác” tại ngày 30/6/2024 đang bao gồm khoản phải thu về giá trị quyền sử dụng đất 1.218,4 m<sup>2</sup> tại phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, số tiền 5.690.000.000 VND được Công ty sử dụng để xây dựng dự án khu nhà ở xã hội; quyền sử dụng đất này đã bị thu hồi từ năm 2021 theo Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của UBND tỉnh Nghệ An (xem Thuyết minh V.5a Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ). Cho đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn chưa nhận được quyết định từ UBND tỉnh Nghệ An về số tiền được đền bù. Do đó, chúng tôi không có cơ sở để đưa ra kết luận về khả năng thu hồi khoản phải thu này và số dự phòng tổn thất cần trích lập (nếu có).

Tại ngày 30/6/2024, Công ty đang ghi nhận khoản chi phí nước thô phải trả do chưa thống nhất được đơn giá áp dụng trên khoản mục “Dự phòng phải trả ngắn hạn”, số tiền 113.896.396.298 VND (xem Thuyết minh V.18 Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ). Do đó, chúng tôi không có đủ bằng chứng cần thiết để đưa ra kết luận về số dư dự phòng phải trả này, cũng như chi phí nước thô Công ty đã ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ, số tiền 6.825.000.000 VND (kỳ trước: 6.400.000.000 VND).



*Các sai sót/ bất đồng trong xử lý kế toán*

- (i) Công ty đang ghi nhận vào kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024 chi phí lương bổ sung, thưởng năm 2023 số tiền 3.523.440.000 VND. Theo ý kiến của chúng tôi, khoản chi phí lương bổ sung, thưởng năm 2023 cần được ghi nhận vào kết quả kinh doanh năm 2023. Nếu khoản chi phí này được ghi nhận đúng kỳ, khoản mục “Chi phí quản lý doanh nghiệp” kỳ này sẽ giảm là 3.523.440.000 VND.
- (ii) Trong kỳ, Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao của một số tài sản cố định (*xem Thuyết minh IV.8 và VII.3 Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ*), dẫn đến chi phí khấu hao kỳ này tăng thêm 5.694.169.719 VND. Ngoài ra, Công ty cũng áp dụng thời gian khấu hao nhanh đối với một số tài sản cố định, dẫn đến chi phí khấu hao kỳ này tăng thêm 5.952.152.650 VND. Chúng tôi không được cung cấp đầy đủ bằng chứng cần thiết về tính hợp lý của sự thay đổi này. Nếu Công ty áp dụng nhất quán thời gian khấu hao theo các kỳ trước, các khoản mục “Giá vốn” kỳ này sẽ giảm là 11.646.322.369 VND, khoản mục “Giá trị hao mòn lũy kế tài sản cố định hữu hình” số cuối kỳ sẽ giảm 11.646.322.369 VND.

**Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Không phủ nhận kết luận đã nêu, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh VII.4 Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ: Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 45.501.742.896 VND. Sự kiện này có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của Công ty. Tuy nhiên, hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 tiếp tục có lãi. Với lý do trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn. Do đó Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**  
**Chi nhánh Hà Nội**



**Vũ Minh Khôi – Thành viên Ban Giám đốc**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2897-2020-008-1  
Người được ủy quyền  
Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2024



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>184.708.693.894</b>	<b>271.178.093.612</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>46.475.146.851</b>	<b>55.725.234.985</b>
1. Tiền	111		30.343.399.203	39.683.675.653
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.131.747.648	16.041.559.332
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>25.218.234.231</b>	<b>75.290.061.450</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	25.218.234.231	75.290.061.450
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>27.405.451.995</b>	<b>27.397.097.446</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	21.652.867.596	20.382.701.183
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	6.433.116.909	8.490.278.622
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	16.750.480.264	15.955.130.415
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(17.431.012.774)	(17.431.012.774)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>76.761.255.322</b>	<b>99.099.652.189</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	76.761.255.322	99.099.652.189
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.848.605.495</b>	<b>13.666.047.542</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8.728.356.438	13.224.895.406
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	120.249.057	441.152.136
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>564.817.289.546</b>	<b>585.956.266.427</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	500.000.000	500.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>504.494.179.465</b>	<b>537.874.857.672</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	504.418.472.591	537.786.895.480
<i>Nguyên giá</i>	222		1.300.104.680.849	1.287.535.576.735
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(795.686.208.258)	(749.748.681.255)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	75.706.874	87.962.192
<i>Nguyên giá</i>	228		518.800.000	518.800.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(443.093.126)	(430.837.808)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.11</b>	<b>38.650.618.304</b>	<b>25.894.143.083</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		38.650.618.304	25.894.143.083
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>13.406.873.080</b>	<b>13.512.440.826</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	13.790.916.000	13.790.916.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(384.042.920)	(278.475.174)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>7.765.618.697</b>	<b>8.174.824.846</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	7.765.618.697	8.174.824.846
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>749.525.983.440</b>	<b>857.134.360.039</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>369.568.891.044</b>	<b>477.557.949.760</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>230.210.436.790</b>	<b>324.865.369.607</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	48.658.146.975	58.351.237.755
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	5.101.691.017	5.802.999.251
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	369.972.007	415.513.536
4. Phải trả người lao động	314		11.233.362.200	16.158.898.400
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	13.180.426.554	3.257.676.501
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	7.969.502.990	105.248.959.392
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	26.664.815.048	26.666.904.073
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18	113.896.396.298	107.071.396.298
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	3.136.123.701	1.891.784.401
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>139.358.454.254</b>	<b>152.692.580.153</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	139.358.454.254	152.692.580.153
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

#### Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>379.957.092.396</b>	<b>379.576.410.279</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>379.957.092.396</b>	<b>379.576.410.279</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		373.859.830.000	373.859.830.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		373.859.830.000	373.859.830.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.472.240.979	2.951.381.835
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.625.021.417	2.765.198.444
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	2.765.198.444
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.625.021.417	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>749.525.983.440</b>	<b>857.134.360.039</b>

Người lập biểu

Hoàng Việt Nga

Kế toán trưởng

Trần Thị Lan Anh

Lập, ngày 15 tháng 8 năm 2024

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Hải



# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	156.211.256.329	146.094.884.159
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	162.191
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		156.211.256.329	146.094.721.968
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	113.127.122.289	113.959.620.189
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		43.084.134.040	32.135.101.779
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	915.673.013	3.995.358.814
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.337.619.976	6.321.624.776
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.232.052.230	5.550.207.401
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	8.696.590.704	8.579.775.894
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	28.960.619.481	21.945.838.438
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.004.976.892	(716.778.515)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	74.898.518	3.778.821.276
12. Chi phí khác	32	VI.8	48.598.639	108.410.942
13. Lợi nhuận khác	40		26.299.879	3.670.410.334
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.031.276.771	2.953.631.819
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	406.255.354	1.267.063.588
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>1.625.021.417</u>	<u>1.686.568.231</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>37</u>	<u>38</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	<u>37</u>	<u>38</u>

Lập ngày 15 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Hoàng Việt Nga

Kế toán trưởng

Trần Thị Lan Anh

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Hải

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		176.320.652.821	166.951.868.479
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(148.653.054.837)	(112.444.394.713)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(41.911.676.650)	(43.969.144.819)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(4.475.503.873)	(5.031.796.838)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	(1.006.003.142)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		6.162.267.969	3.295.969.714
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(8.528.337.544)	(16.884.636.927)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(21.085.652.114)</b>	<b>(9.088.138.246)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(25.325.579.335)	(36.821.445.014)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		51.513.949.867	39.980.677.928
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		134.947.131	880.328.652
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>26.323.317.663</b>	<b>4.039.561.566</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(13.336.214.924)	(13.333.067.330)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(13.336.214.924)</b>	<b>(13.333.067.330)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(8.098.549.375)</b>	<b>(18.381.644.010)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>55.725.234.985</b>	<b>67.137.934.352</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>47.626.685.610</b>	<b>48.756.290.342</b>

Người lập biểu



Hoàng Việt Nga

Kế toán trưởng



Trần Thị Lan Anh

Đ lập, ngày 15 tháng 8 năm 2024

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Hải

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh nước sạch.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác, xử lý và cung cấp nước (Khai thác nước thô; sản xuất, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác; sản xuất kinh doanh nước đóng chai).

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Công ty

*Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng Công ty	Số 32, đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp Xây lắp chống thất thoát	Số 32, đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp Dịch vụ cấp nước Thành phố Vinh	Số 32, đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp Sản xuất nước Thành phố Vinh	Số 115, đường Nguyễn Sinh Sắc thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Nam Đàn	Khối Tây Hồ, thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Đô Lương	Xóm 7, xã Đông Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Anh Sơn	Khối 5, thị trấn Anh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Con Cuông	Khối 4, thị trấn Con Cuông, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Tân Kỳ	Xóm 1 Thanh Tân, xã Kỳ Tân, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Thanh Chương	Khối 6, thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Quỳnh Châu	Khối 2A, thị trấn Tân Lạc, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Quỳnh Hợp	Khối 13, thị trấn Quỳnh Hợp, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Tương Dương	Thị trấn Hòa Bình, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Kỳ Sơn	Thị trấn Mường Xén, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

#### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 484 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 485 nhân viên).



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch nợ phải trả bằng ngoại tệ được xác định theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản vay có gốc ngoại tệ tại ngày kết kỳ kế toán được xác định theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng có số dư vay gốc ngoại tệ.

#### **3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí công cụ, dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 39	10 - 39
Máy móc và thiết bị	5 - 15	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 24	6 - 24
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 6	5 - 6
Tài sản cố định khác	13	13



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **9. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 12 năm.

### **10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### **11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### **12. Vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### **13. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu bán nước sạch***

Doanh thu bán nước sạch được ghi nhận căn cứ khối lượng nước sử dụng theo chỉ số trên đồng hồ nước đo được của các khách hàng và biểu giá do Công ty ban hành từng thời kỳ, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### **15. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

### **16. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### **17. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### **18. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	132.400.531	363.212.296
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	30.210.998.672	39.320.463.357
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	16.131.747.648	16.041.559.332
<b>Cộng</b>	<b>46.475.146.851</b>	<b>55.725.234.985</b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

#### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 6 tháng đến 12 tháng, lãi suất từ 1,9% đến 5,2%/năm, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

#### 2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Chè Nghệ An	13.790.916.000	(384.042.920)	13.790.916.000	(278.475.174)

Tại ngày 30/6/2024, Công ty sở hữu 345.181 cổ phần, tương đương 10,1% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Chè Nghệ An.

Giá trị hợp lý

Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tổng Công ty Chè Nghệ An (mã: CNA, sàn UPCOM) không có giao dịch trong 30 phiên gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán, do đó, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của khoản đầu tư này.

Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

Tình hình biến động dự phòng nợ cho khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	278.475.174	-
Trích lập dự phòng bổ sung	105.567.746	278.475.174
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>384.042.920</b>	<b>278.475.174</b>

Số liệu trích lập dự phòng theo Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Chè Nghệ An đã được kiểm toán.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khách hàng về tiền nước sinh hoạt	6.782.215.226	5.512.048.813
Phải thu các khách hàng quá hạn thanh toán (Xem thuyết minh V.6)	14.870.652.370	14.870.652.370
<b>Cộng</b>	<b>21.652.867.596</b>	<b>20.382.701.183</b>

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Xây dựng Lộc Toàn	-	865.653.755
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Khánh Hòa	2.130.186.700	2.130.186.700
Công ty TNHH Xây dựng và cây xanh Sông Hồng	805.687.400	805.687.400
Các nhà cung cấp khác	3.497.242.809	4.688.750.767
<b>Cộng</b>	<b>6.433.116.909</b>	<b>8.490.278.622</b>

### 5. Phải thu khác

#### 5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	714.924.570	-	1.408.707.897	-
Tạm ứng	8.826.560.654	(619.062.112)	7.242.414.874	(616.038.012)
Quyền sử dụng đất bị thu hồi theo Quyết định 297/QĐ-UBND <sup>(i)</sup>	5.690.610.000	-	5.690.610.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.518.385.040	(765.299.128)	1.613.397.644	(765.299.128)
<b>Cộng</b>	<b>16.750.480.264</b>	<b>(1.384.361.240)</b>	<b>15.955.130.415</b>	<b>(1.384.361.240)</b>

<sup>(i)</sup> Giá trị quyền sử dụng đất 1.218,4 m<sup>2</sup> tại phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An được Công ty sử dụng để xây dựng dự án khu nhà ở xã hội đã bị thu hồi theo Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của UBND tỉnh Nghệ An. Hiện tại, Công ty đang làm việc với UBND tỉnh Nghệ An để thống nhất phương án đền bù.

#### 5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

### 6. Nợ xấu

Các khoản nợ xấu sau đây đều có thời gian quá hạn trên 3 năm và đã trích lập 100%.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>14.870.652.370</b>	<b>14.870.652.370</b>
UBND xã Thanh Trường	1.309.272.998	1.309.272.998
Công trình Hồ Bá Hạ	2.197.138.000	2.197.138.000
Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Đôn Phục, Con Cuông	704.000.000	704.000.000
Ban quản lý dự án chương trình 134 - huyện Con Cuông	1.004.529.000	1.004.529.000
Ban quản lý dự án ĐTXD cơ bản huyện Quế Phong	3.069.641.000	3.069.641.000
UBND Thị trấn Quán Hành	768.819.000	768.819.000
UBND xã Nghi Kim - Nghi Lộc	1.554.035.000	1.554.035.000
Các tổ chức và cá nhân khác	4.263.217.372	4.263.217.372

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Các khoản phải thu khác</b>	<b>1.384.361.240</b>	<b>1.384.361.240</b>
Hồ Thị Liên	302.237.000	302.237.000
Các tổ chức và cá nhân khác	1.082.124.240	1.082.124.240
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>1.175.999.164</b>	<b>1.175.999.164</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng & Thương mại Đại Hùng	311.700.000	311.700.000
Ban quản lý Dự án Cấp nước vùng phụ cận Thành phố Vinh	214.239.329	214.239.329
Sở Tài chính Nghệ An	309.668.000	309.668.000
Các tổ chức và cá nhân khác	340.391.835	340.391.835
<b>Cộng</b>	<b>17.431.012.774</b>	<b>17.431.012.774</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	17.431.012.774	16.565.739.816
Trích lập dự phòng bổ sung	-	864.044.279
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>17.431.012.774</b>	<b>17.429.784.095</b>

**7. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	68.394.379.688	-	91.725.870.455	-
Công cụ, dụng cụ	8.340.660.404	-	7.347.566.504	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	26.215.230	-	26.215.230	-
<b>Cộng</b>	<b>76.761.255.322</b>	<b>-</b>	<b>99.099.652.189</b>	<b>-</b>

**8. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	4.462.958.854	5.075.679.201
Chi phí sửa chữa TSCĐ	2.790.839.912	2.362.779.098
Các chi phí trả trước dài hạn khác	511.819.931	736.366.547
<b>Cộng</b>	<b>7.765.618.697</b>	<b>8.174.824.846</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### 9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	619.852.557.277	110.378.807.451	552.491.567.923	572.975.000	4.239.669.084	1.287.535.576.735
Đầu tư XDCB hoàn thành	6.747.998.396	-	5.821.105.718	-	-	12.569.104.114
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>626.600.555.673</b>	<b>110.378.807.451</b>	<b>558.312.673.641</b>	<b>572.975.000</b>	<b>4.239.669.084</b>	<b>1.300.104.680.849</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	53.304.412.379	104.434.744.527	47.414.498.837	572.975.000	-	205.726.630.743
Chờ thanh lý (*)	59.676.336.897	664.800.412	42.099.303.525	-	-	102.440.440.834
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	288.633.202.385	108.219.442.143	348.394.701.431	572.975.000	3.928.360.296	749.748.681.255
Khấu hao trong kỳ	20.417.619.139	464.740.682	24.885.580.416	-	169.586.766	45.937.527.003
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>309.050.821.524</b>	<b>108.684.182.825</b>	<b>373.280.281.847</b>	<b>572.975.000</b>	<b>4.097.947.062</b>	<b>795.686.208.258</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	331.219.354.892	2.159.365.308	204.096.866.492	-	311.308.788	537.786.895.480
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>317.549.734.149</b>	<b>1.694.624.626</b>	<b>185.032.391.794</b>	<b>-</b>	<b>141.722.022</b>	<b>504.418.472.591</b>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý (*)	21.323.869.382	357.796.567	6.060.501.974	-	-	27.742.167.923

(\*) Theo Quyết định số 05/QĐ-HĐQT ngày 02/7/2024, Công ty thông báo công khai đến các nhà đầu tư về việc chào bán tài sản theo phương thức chào giá cạnh tranh đối với tài sản là 10 trạm cấp nước (Anh Sơn, Con Cuông, Đô Lương, Kỳ Sơn, Nam Đàn, Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp, Tân Kỳ, Thanh Chương, Tương Dương) kèm theo quyền khai thác, vận hành và vùng phục vụ cấp nước. Thời gian các nhà đầu tư quan tâm nộp hồ sơ chào giá đến ngày 06/9/2024.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 252.558.952.573 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng (xem thuyết minh V.17).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****10. Tài sản cố định vô hình**

Là phần mềm quản lý. Chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	518.800.000	(430.837.808)	87.962.192
Khấu hao trong kỳ	-	(12.255.318)	(12.255.318)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>518.800.000</b>	<b>(443.093.126)</b>	<b>75.706.874</b>

*Trong đó:*

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	230.800.000	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển chi phí trả trước/chi phí	Số cuối kỳ
Lắp đặt ống gang DN500/DN300 dọc đường giao thông nối Vinh Cửa Lò	2.731.489.614	-	-	-	2.731.489.614
Cải tạo nhà máy nước Anh Sơn	4.387.677.947	1.843.695.085	(6.231.373.032)	-	-
Lắp đặt tuyến ống gang D400 đầu nối trạm bơm tăng áp Quán Hành, huyện Nghi Lộc	4.045.141.939	-	(4.045.141.939)	-	-
Lắp đặt bổ sung đường ống gang D300 cấp nước xã Hưng Hòa	6.317.617.978	883.679.843	-	-	7.201.297.821
Các dự án khác	8.412.215.605	29.133.015.554	(2.292.589.143)	(6.534.811.147)	28.717.830.869
<b>Cộng</b>	<b>25.894.143.083</b>	<b>31.860.390.482</b>	<b>(12.569.104.114)</b>	<b>(6.534.811.147)</b>	<b>38.650.618.304</b>

**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Thủy lợi Nam Nghệ An	2.329.890.000	9.829.890.000
Dự án Hồ lắng bùn Hưng Vĩnh	2.574.854.000	2.574.854.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Phát	3.405.938.440	1.963.604.600
Công ty TNHH XNK và Đầu tư Phương Thủy	3.152.103.845	4.023.441.565
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Hạ tầng đô thị Vinh	13.164.950.241	12.017.629.641
Công ty Cổ phần Hà Huy	4.080.578.000	4.080.578.000
Các nhà cung cấp khác	19.949.832.449	23.861.239.949
<b>Cộng</b>	<b>48.658.146.975</b>	<b>58.351.237.755</b>

**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tây An	381.232.000	377.432.000
Công ty Cổ phần Đại Trường Nguyên	296.082.000	296.082.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Đại Huệ	278.181.000	278.181.000
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng Thiên Hoàng	273.000.000	273.000.000
Các khách hàng khác	3.873.196.017	4.578.304.251
<b>Cộng</b>	<b>5.101.691.017</b>	<b>5.802.999.251</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	441.152.136	406.255.354	-	-	34.896.782
Thuế thu nhập cá nhân	105.300.230	-	-	(190.652.505)	-	85.352.275
Thuế tài nguyên	9.976.730	-	65.486.670	(63.757.620)	11.705.780	-
Thuế bảo vệ môi trường	300.236.576	-	1.871.404.622	(1.813.374.971)	358.266.227	-
Phí cấp quyền khai thác nguồn nước	-	-	84.311.573	(84.311.573)	-	-
Lệ phí môn bài	-	-	16.000.000	(16.000.000)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>415.513.536</b>	<b>441.152.136</b>	<b>2.443.458.219</b>	<b>(2.168.096.669)</b>	<b>369.972.007</b>	<b>120.249.057</b>

#### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Cung cấp nước sạch 5%
- Các dịch vụ khác 8% và 10%

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (kỳ trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.031.276.771	2.953.631.819
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	70.527.675
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	70.527.675
Thu nhập chịu thuế	2.031.276.771	3.024.159.494
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>406.255.354</b>	<b>604.831.899</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>	<b>-</b>	<b>662.231.689</b>
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>406.255.354</b>	<b>1.267.063.588</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác khoáng sản như sau:

Khoáng sản	Giá tính thuế đơn vị tài nguyên	Thuế suất
- Nước mặt	2.000 VND/m <sup>3</sup>	1%
- Nước dưới đất (nước ngầm)	5.000 VND/m <sup>3</sup>	5%

#### Thuế bảo vệ môi trường

Công ty phải nộp thuế bảo vệ môi trường với hoạt động xả thải, khí thải sinh hoạt với mức phí bảo vệ môi trường là 10% trên giá bán của 1m<sup>3</sup> nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

### 15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	1.480.268.324	1.723.719.967
Chi phí dịch vụ môi trường rừng	432.505.996	393.514.732
Chi phí nước thô	10.004.400.000	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.263.252.234	1.140.441.802
<b>Cộng</b>	<b><u>13.180.426.554</u></b>	<b><u>3.257.676.501</u></b>

### 16. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	208.732.242	210.867.142
Bảo hiểm xã hội	660.288.548	51.891.398
Phải trả về cổ phần hóa	14.300.000	14.300.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	730.055.132	603.759.635
Phải trả liên doanh Vatech Wabag Wassenco	377.466.458	377.466.458
Phải trả liên doanh Yietc constrexim Holdings	256.204.277	256.204.277
Phải trả ông Phan Văn Quế tiền vay vốn	1.100.592.274	1.100.592.274
Phải trả phí bảo vệ môi trường	354.541.000	266.756.727
Phải trả phí thoát nước	250.116.646	231.237.538
Phải trả về chi phí nước thô (xem thuyết minh V.18)	-	99.239.825.685
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.017.206.413	2.896.058.258
<b>Cộng(*)</b>	<b><u>7.969.502.990</u></b>	<b><u>105.248.959.392</u></b>

### 17. Vay

#### 17a. Vay ngắn hạn

Là các khoản vay dài hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh số V.17b), bao gồm:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bộ Tài chính - Dự án Vinh	9.552.093.004	9.552.093.004
Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam Nghệ An - Dự án Phụ cận Vinh	17.033.174.552	17.033.174.552
Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam Nghệ An - Dự án Giảm thất thoát nước	79.547.492	81.636.517
<b>Cộng</b>	<b><u>26.664.815.048</u></b>	<b><u>26.666.904.073</u></b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	26.666.904.073	26.666.035.235
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	13.334.125.899	13.333.339.156
Số tiền vay đã trả trong kỳ	<u>(13.336.214.924)</u>	<u>(13.333.067.330)</u>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>26.664.815.048</u></b>	<b><u>26.666.307.061</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 17b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bộ Tài chính - Dự án Vinh <sup>(i)</sup>	18.954.783.493	23.730.829.995
Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam Nghệ An - Dự án Phụ cận Vinh <sup>(ii)</sup>	119.232.221.880	127.748.809.156
Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam Nghệ An - Dự án giảm thất thoát nước <sup>(iii)</sup>	1.171.448.881	1.212.941.002
<b>Cộng</b>	<b>139.358.454.254</b>	<b>152.692.580.153</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay theo Hiệp định vay phụ ngày 28/8/1997 giữa Bộ Tài chính và Công ty Cấp thoát nước tỉnh Nghệ An (nay là Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An); Phụ lục sửa đổi Hiệp định vay phụ ngày 28/4/2008. Khoản vay sẽ được hoàn trả trong 25 năm trong đó có 5 năm ân hạn bắt đầu từ ngày rút vốn đầu tiên của khoản vay vốn là ngày 20/3/2002, lãi suất của Hiệp định vay sửa đổi theo Phụ lục là 5%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Hợp đồng vay vốn ODA số 63/2011/HĐODA-NHPTVN ngày 27/9/2011 giữa Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Nghệ An và Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An (nay là Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An) phục vụ cho Dự án: Hệ thống cấp nước vùng phụ cận thành phố Vinh, mỗi năm trả nợ và lãi 2 kỳ vào ngày 15/6 và ngày 15/12 hàng năm; Tổng số vốn vay theo Hợp đồng là 10.272.000 EUR; đồng tiền vay và nhận nợ là đồng Việt Nam; Chênh lệch tỷ giá hàng năm Công ty ghi nhận tăng thêm dư nợ gốc vay; Lãi suất cho vay lại: 70% tổng số vốn vay áp dụng lãi suất là 3,2%/năm tính trên số dư nợ và 30% tổng số vốn vay còn lại áp dụng mức lãi suất là 5,3%/năm trên số dư nợ. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ nguồn vốn vay Chính phủ Phần Lan.
- (iii) Khoản vay theo Hợp đồng vay phụ ngày 09/07/2013 giữa Bộ Tài chính và Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An (nay là Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An) về việc sử dụng khoản vay số 2691 VIE và khoản vay số 3251 vay vốn OCR của Ngân hàng ADB. Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán là phí cam kết khoản vay phải trả, số tiền 52.533,28 USD. Đến thời điểm hiện tại khoản vay chưa được giải ngân, đồng thời Công ty đang trình Bộ Tài chính xin hủy khoản vay này.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	26.664.815.048	26.666.904.073
Trên 1 năm đến 5 năm	88.258.930.582	93.076.469.205
Trên 5 năm	51.099.523.672	59.616.110.948
<b>Cộng</b>	<b>166.023.269.302</b>	<b>179.359.484.226</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	152.692.580.153	179.345.706.355
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(13.334.125.899)	(13.333.339.156)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>139.358.454.254</b>	<b>166.012.367.199</b>

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

### 18. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng phải trả chi phí nước thô	113.896.396.298	107.071.396.298

Khoản chi phí mua nước thô từ ngày 01/02/2021 đến ngày 30/6/2024 phải trả được Công ty trình bày tại khoản mục "Dự phòng phải trả ngắn hạn", xác định trên cơ sở lượng nước thô cấp cho sản xuất và đơn giá tạm tính.

Căn cứ phán quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, trong kỳ, Công ty đã thanh toán toàn bộ khoản chi phí mua nước thô từ ngày 31/01/2021 về trước, số tiền 99.239.825.685 VND (xem Thuyết minh V.16).

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	1.852.963.843	1.244.339.300	-	3.097.303.143
Quỹ phúc lợi	38.536.231	-	-	38.536.231
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	284.327	-	-	284.327
<b>Cộng</b>	<b>1.891.784.401</b>	<b>1.244.339.300</b>	<b>-</b>	<b>3.136.123.701</b>

### 20. Vốn chủ sở hữu

#### 20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	373.859.830.000	1.193.463.427	4.834.947.602	379.888.241.029
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	1.686.568.231	1.686.568.231
Trích lập các quỹ	-	1.692.231.661	(2.417.473.801)	(725.242.140)
Chia cổ tức	-	-	(2.417.473.801)	(2.417.473.801)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>373.859.830.000</b>	<b>2.885.695.088</b>	<b>1.686.568.231</b>	<b>378.432.093.319</b>
Số dư đầu năm nay	373.859.830.000	2.951.381.835	2.765.198.444	379.576.410.279
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	1.625.021.417	1.625.021.417
Trích lập các quỹ	-	1.520.859.144	(2.765.198.444)	(1.244.339.300)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>373.859.830.000</b>	<b>4.472.240.979</b>	<b>1.625.021.417</b>	<b>379.957.092.396</b>

#### 20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
UBND tỉnh Nghệ An	142.278.360.000	142.278.360.000
Công ty Cổ phần Mía đường Sông Con	103.419.400.000	103.419.400.000
Cổ đông khác	128.162.070.000	128.162.070.000
<b>Cộng</b>	<b>373.859.830.000</b>	<b>373.859.830.000</b>

#### 20c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	37.385.983	37.385.983
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	37.385.983	37.385.983
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	37.385.983	37.385.983

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 20d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2024 như sau:

	VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 1.520.859.144
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 1.244.339.300



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

##### 1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu kinh doanh nước sạch	152.125.380.247	143.147.464.669
Doanh thu hoạt động lắp đặt, xây lắp	3.377.445.909	2.287.079.810
Doanh thu khác	708.430.173	660.339.680
<b>Cộng</b>	<b>156.211.256.329</b>	<b>146.094.884.159</b>

#### 2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn kinh doanh nước sạch	111.775.002.551	112.618.617.460
Giá vốn hoạt động lắp đặt, xây lắp	1.352.119.738	1.341.002.729
<b>Cộng</b>	<b>113.127.122.289</b>	<b>113.959.620.189</b>

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	883.286.452	3.392.728.493
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	32.386.561	26.443.946
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	576.186.375
<b>Cộng</b>	<b>915.673.013</b>	<b>3.995.358.814</b>

#### 4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	4.232.052.230	5.550.207.401
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	492.924.918
Dự phòng tổn thất đầu tư	105.567.746	278.475.174
Chi phí tài chính khác	-	17.283
<b>Cộng</b>	<b>4.337.619.976</b>	<b>6.321.624.776</b>

#### 5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	7.793.978.400	7.809.789.000
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	95.596.952	57.857.294
Các chi phí khác	807.015.352	712.129.600
<b>Cộng</b>	<b>8.696.590.704</b>	<b>8.579.775.894</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên <sup>(*)</sup>	19.582.060.900	12.205.582.300
Chi phí vật liệu quản lý	258.577.912	1.747.084.408
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.578.483.896	1.023.852.987
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.294.073.532	918.502.464
Thuế, phí và lệ phí	33.022.000	158.406.942
Dự phòng phải thu khó đòi	-	864.044.279
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.790.492.244	3.258.284.959
Các chi phí khác	2.423.908.997	1.770.080.099
<b>Cộng</b>	<b>28.960.619.481</b>	<b>21.945.838.438</b>

<sup>(\*)</sup> Trong đó, lương bổ sung năm 2023 là 3.523.440.000 VND và tiền thưởng tạm trích năm 2024 là 2.187.648.000 VND.

### 7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền đền bù, di dời giải phóng mặt bằng	-	3.382.279.727
Thu thập từ đền bù, di dời giải phóng mặt bằng	-	7.946.637.000
Chi phí phát sinh	-	(4.564.357.273)
Thu bán phế liệu	-	171.990.000
Thu nhập khác	74.898.518	224.551.549
<b>Cộng</b>	<b>74.898.518</b>	<b>3.778.821.276</b>

### 8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	70.527.675
Chi phí khác	48.598.639	37.883.267
<b>Cộng</b>	<b>48.598.639</b>	<b>108.410.942</b>

### 9. Lãi trên cổ phiếu

#### 9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.625.021.417	1.686.568.231
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(243.558.348)	(253.075.861)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(243.558.348)	(253.075.861)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.381.268.204	1.433.582.996
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	37.385.983	37.385.983
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>37</b>	<b>38</b>

#### 9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	26.110.425.732	38.239.458.561
Chi phí nhân công	43.632.852.500	40.946.203.400
Chi phí khấu hao tài sản cố định	45.949.782.321	29.610.980.293
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.955.514.849	30.927.217.346
Chi phí khác	4.135.757.072	4.761.374.921
<b>Cộng</b>	<b>150.784.332.474</b>	<b>144.485.234.521</b>

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch và không có số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Kỳ này	Chức vụ	Tiền lương	Thù lao	Thưởng	Cộng thu nhập
Ông Nguyễn Bá Quý	Chủ tịch HĐQT	90.000.000	-	100.000.000	190.000.000
Ông Trịnh Văn Thắng	Thành viên HĐQT	-	45.000.000	50.000.000	95.000.000
Ông Lê Đình Hoan	Phó Tổng Giám đốc /Thành viên HĐQT	150.582.000	30.000.000	157.825.000	338.407.000
Bà Võ Thị Thìn	Trưởng BKS	109.800.000	-	89.018.000	198.818.000
Bà Lê Thị Kim Oanh	Thành viên BKS	-	18.000.000	10.000.000	28.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngân	Thành viên BKS (miễn nhiệm ngày 20/4/2024)	-	15.000.000	10.000.000	25.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Châu	Thành viên BKS (bổ nhiệm ngày 20/4/2024)	3.000.000	-	-	3.000.000
Ông Hoàng Văn Hải	Tổng Giám đốc	227.258.000	-	178.012.000	405.270.000
Ông Nguyễn Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc	220.926.000	-	176.315.000	397.241.000
Bà Trần Thị Lan Anh	Kế toán trưởng	122.912.000	-	89.615.000	212.527.000
<b>Cộng</b>		<b>921.478.000</b>	<b>111.000.000</b>	<b>860.785.000</b>	<b>1.893.263.000</b>
<b>Kỳ trước</b>					
Ông Nguyễn Bá Quý	Chủ tịch HĐQT	90.000.000	-	50.000.000	140.000.000
Ông Trịnh Văn Thắng	Thành viên HĐQT	-	45.000.000	50.000.000	95.000.000
Ông Lê Đình Hoan	Phó Tổng Giám đốc /Thành viên HĐQT	153.326.000	30.000.000	50.000.000	233.326.000
Bà Võ Thị Thìn	Trưởng BKS	85.990.000	-	20.000.000	105.990.000
Bà Lê Thị Kim Oanh	Thành viên BKS	-	18.000.000	10.000.000	28.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngân	Thành viên BKS	-	18.000.000	10.000.000	28.000.000

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Chức vụ</u>	<u>Tiền lương</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Thưởng</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Ông Hoàng Văn Hải	Tổng Giám đốc	215.400.000	-	50.000.000	265.400.000
Ông Nguyễn Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc	213.512.000	-	50.000.000	263.512.000
Bà Trần Thị Lan Anh	Kế toán trưởng	98.378.000	-	20.000.000	118.378.000
<b>Cộng</b>		<b>856.606.000</b>	<b>111.000.000</b>	<b>310.000.000</b>	<b>1.277.606.000</b>

### 1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

#### Bên liên quan khác

UBND tỉnh Nghệ An

Công ty Cổ phần Mía đường Sông Con

#### Mối quan hệ

Cổ đông lớn

Cổ đông lớn

Công ty không phát sinh giao dịch và không có số dư công nợ với các bên liên quan khác trong kỳ (kỳ trước Công ty chỉ phát sinh giao dịch chia cổ tức cho UBND tỉnh Nghệ An và Công ty Cổ phần Mía đường Sông Con với số tiền lần lượt là 910.581.504 VND và 661.884.160 VND).

### 2. Thông tin về bộ phận

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận do hoạt động của Công ty chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh nước sạch, tại một khu vực địa lý là trong lãnh thổ Việt Nam.

### 3. Thay đổi ước tính kế toán

Trong kỳ Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số IV.8). Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng việc áp dụng thời gian khấu hao mới sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng tài sản cố định của Công ty. Nếu thời gian khấu hao trước đây được tiếp tục sử dụng, chi phí khấu hao kỳ này giảm 11.646.322.369 VND.

### 4. Thông tin về hoạt động liên tục

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 45.501.742.896 VND. Sự kiện này có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của Công ty. Tuy nhiên, hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 tiếp tục có lãi. Với lý do trên, Ban Tổng giám đốc Công ty tin tưởng Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn. Do đó Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động liên tục.

### 5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lập, ngày 15 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Hoàng Việt Nga

Kế toán trưởng

Trần Thị Lan Anh



Hoàng Văn Hải